

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH (BACHELOR OF ENGLISH)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH (MAJOR):	NGÔN NGỮ ANH (ENGLISH)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH (CODE):	5220201
NGÀNH ĐÀO TẠO PHỤ (MINOR):	QUẢN TRỊ KINH DOANH (BUSINESS MANAGEMENT)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO PHỤ (CODE):	52340101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành chính Ngôn ngữ Anh – ngành phụ Quản trị Kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có khả năng sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh trong môi trường nghề nghiệp có yêu cầu sử dụng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp chính.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo qui định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Phiên dịch, biên dịch, quan hệ quốc tế và đối ngoại, nhân viên các phòng chức năng tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức kinh tế xã hội của Việt nam và quốc tế. Nếu được bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ sư phạm, có thể đảm nhận công tác giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế thương mại tại các cơ sở đào tạo khác nhau.

- *Trình độ ngoại ngữ và tin học:* Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ không chuyên theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Về kiến thức:

Sinh viên Ngôn ngữ Anh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo sẽ có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể như sau:

2.1.1. Kiến thức chung

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nắm được kiến thức cơ bản và sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...);

- Có trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

- Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe;

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng-an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường;

- -Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn của quản trị kinh doanh;

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật vào những hoạt động kinh tế và kinh doanh;

- Hiểu những khái niệm căn bản, mở đầu về bản thể của ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như : giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, văn tự, phân loại ngôn ngữ...

- Hiểu những khái niệm căn bản, mở đầu về cấu trúc của ngôn ngữ, bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của ngôn ngữ.

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;

2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

-Vận dụng được kỹ năng sử dụng tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản, xác định lỗi và chữa lỗi trong văn bản; nắm được các vấn đề về lý thuyết tiếng Việt.

-Nắm vững những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ Anh: những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm-âm vị học Tiếng Anh, phát âm đúng tiếng Anh, những vấn đề cơ bản của từ vựng học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa; những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp tiếng Anh, và vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn;

-Nắm vững các kiến thức về kỹ thuật dịch, có thể áp dụng các kiến thức này trong công tác biên phiên dịch.

-Vận dụng kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh;

-Sử dụng tốt tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

-Sử dụng tốt tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế-kinh doanh (tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh quốc tế, marketing) để phục vụ các mục đích nghề nghiệp và học tập nâng cao.

-Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh (quản lý, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, marketing, kế toán, quản trị nhân lực, thống kê...) để phục vụ các mục đích nghề nghiệp và học tập nâng cao.

2.2. Về kỹ năng:

- Sử dụng tiếng Anh thành thạo với các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), biên dịch, phiên dịch, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh;

- Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc khai thác hiệu quả Internet phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu;

- Có tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc định hướng đào tạo của mình;

- Có các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thuyết phục, đàm phán, năng lực quản lý và năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập liên tục, học tập suốt đời.

- Có năng lực xã hội hóa, khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

- Có năng lực vận dụng dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2.4. Về ngoại ngữ và tin học

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh (ngoại ngữ 1) tương đương IELTS 6.5 và Chuẩn đầu ra tiếng Trung (ngoại ngữ 2) tương đương A2 (HSK) hoặc tiếng Pháp (ngoại ngữ 2) A2 (DELF) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

- Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	42	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	10	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	46	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	146	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH NGÔN NGỮ ANH)		MÃ BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tổng số tín chỉ			146	21	24	20	18	15	20	18	10	10
	1.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			42	7	9	7	6	6	3	3	0	
	1.1. Các học phần bắt buộc chung			20	2	3	2	3	3	3	3		
1	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	3								
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2		2							
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2		2							
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2			2						
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2			2						

6	6	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung1/Tiếng Pháp1) Second Foreign Language (Chinese 1/French 1)	NNKC1128/ NNKC1125	3					3			
7	7	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung2/Tiếng Pháp2) Second Foreign Language (Chinese 2/French 2)	NNKC1129/ NNKC1126	3						3		
8	8	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung3/Tiếng Pháp3) Second Foreign Language (Chinese 3/French 3)	NNKC1130/ NNKC1127	3							3	
	9	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4	1	1	1	1				
	10	Giáo dục quốc phòng Military Education	GDQP	8	4	4						
1.2. Các học phần bắt buộc của trường				12	3	6	3	0	0	0		
9	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	3							
10	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3		3						
11	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3		3						
12	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3			3					
1.3. Các học phần bắt buộc của ngành				10	2		2	3	3			
13	1	Đại cương văn hóa Việt nam Vietnamese culture foundation	NNTV1110	2			2					
14	2	Dẫn luận ngôn ngữ Introduction to linguistics	NNTV1102	2	2							
15	3	Quản lý học Essentials of Management	QLKT1101	3				3				
16	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3					3			
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				104	13	13	11	11	11	11	11	11
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15	0	2	0	3	5	4	0	0
17	1	Ngữ âm - âm vị học Phonetics and Phonology	NNTM1103	2						2		

18	2	Ngữ pháp Tiếng Anh ứng dụng Applied English Grammar	NNTV1134	2					2			
19	3	Từ vựng học Lexicology	NNTM1133	2						2		
20	4	Tiếng Việt cơ sở 1 Vietnamese Language 1	NNTV1113	3		3						
21	5	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3				3				
22	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1101	3					3			
2.2. Kiến thức ngành				61	1	1	1	6	7	4	9	0
2.2.1. Học phần bắt buộc				46	1	1	1	0	7	4		
23	1	Ngữ âm thực hành Pronunciation	NNTM1104	2	2							
24	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 1 English - Listening Skills 1	NNTM1135	2	2							
25	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 2 English - Listening Skills 2	NNTM1158	2		2						
26	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 3 English - Listening Skills 3	NNTM1136	2			2					
27	5	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 1 English - Speaking Skills 1	NNTM1138	2	2							
28	6	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 2 English - Speaking Skills 2	NNTM1139	2		2						
29	7	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 3 English - Speaking Skills 3	NNTM1140	2			2					
30	8	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 1 English - Reading Skills 1	NNTM1142	2	2							
31	9	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 2 English - Reading Skills 2	NNTM1143	2		2						
32	10	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 3 English - Reading Skills 3	NNTM1144	2			2					
33	11	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 1 English - Writing Skills 1	NNTM1146	2	2							

34	12	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 2 English - Writing Skills 2	NNTM1147	2		2						
35	13	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 3 English - Writing Skills 3	NNTM1148	2			2					
36	14	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 1 Integrated skills - English for economics and business 1	NNTM1151	3	3							
37	15	Thực hành tổng hợp 2 - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 2 Integrated skills - English for economics and business 2	NNTM1157	3		3						
38	16	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 3 Integrated skills - English for economics and business 3	NNTM1152	3			3					
39	17	Thực hành Biên dịch 1 Translation 1	NNTM1107	2					2			
40	18	Thực hành Phiên dịch 1 Interpretation 1	NNTM1110	2					2			
41	19	Thực hành Biên dịch 2 Translation 2	NNTM1108	2						2		
42	20	Thực hành Phiên dịch 2 Interpretation 2	NNTM1111	2						2		
43	Thực tập giữa khoá Practicum		NNTM1165	3					3			
	2.2.2. Học phân tự chọn (chọn 5/8 học phần)			15	0	0	0	6	0	0	9	0
44	1	Văn hóa các nước nói tiếng Anh Culture of English Speaking Countries	NNTM1170	3							3	
46	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 4 English - Speaking Skills 4	NNTM1141	3				3				
47	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 4 English - Listening Skills 4	NNTM1137	3					3			
48	4	Giao thoa văn hoá Cross culture	NNTV1112	3							3	

	5	Lịch sử Văn minh thế giới History of World Civilization	DLLH1131	3								3	
	6	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3								3	
	7	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3								3	
	8	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3								3	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (chọn 6/9 học phần)			18	0	0	0	6	0	6	6		
49 50 51 52 53 54	1	Chuyên đề Tài chính - Ngân hàng - E English for Banking & Finance	NNTM1150	3								3	
	2	Chuyên đề Kinh doanh Quốc tế-E English for International Business	NNTM1161	3								3	
	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 4 English - Reading Skills 4	NNTM1166	3				3					
	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 4 English - Writing Skills 4	NNTM1169	3				3					
	5	Chuyên đề Giao tiếp Kinh doanh - E Business Communication-in English	NNTM1159	3								3	
	6	Marketing căn bản - E Principles of Marketing- in English	MKMA1105	3								3	
	7	Thực hành Phiên dịch 3 Interpretation 3	NNTM1164	3								3	
	8	Thực hành Biên dịch 3 Translation 3	NNTM1163	3								3	
	9	Phương pháp nghiên kinh tế - xã hội Research Methods for Socio - Economic	PTCC1128	3								3	
55	2.4. Chuyên đề thực tập – Internship Programme		NNTM1162	10									10
Đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và GDQP & AN, GDTC theo quy định của trường													

8. Hướng dẫn thực hiện

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/ Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

PGS.TS PHẠM THỊ THANH THÙY

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG